TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **130/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 786/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Trang Uyên T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 70/1 Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Tiến D, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 70/1 Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đỗ Trang Uyên T trình bày:

Bà Đỗ Trang Uyên T và ông Đinh Tiến D là vợ chồng có đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyển số 01/98 ngày 26/11/1998 tại UBND phường P, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vợ chồng cùng chăm lo kinh tế, gia đình ổn định. Tuy nhiên, bà T cảm thấy không hạnh phúc vì vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Ông D có hành vi xúc phạm nhân phẩm bà T nhưng vì thương các con nên đã cố gắng nhẫn nhịn để cùng chung

sống. Qua thời gian mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn khi ông D quản thúc cả thời gian đi lại của bà T, bản thân bà T thấy bị tổn thương về tinh thần. Nhận thấy vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng ông D và bà T có 03 con chung tên Đinh Thảo Phương U, sinh ngày 09/9/1999, Đinh Thảo Mai T, sinh ngày 13/11/2003 và Đinh Thảo Thanh X, sinh ngày 26/6/2010. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung Đinh Thảo Mai T, sinh ngày 13/11/2003 và Đinh Thảo Thanh X, sinh ngày 26/6/2010. Đối với Đinh Thảo Phương U, sinh ngày 09/9/1999 đã trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đinh Tiến D trình bày:

Ông D thống nhất với ý kiến trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Ông D cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, việc vợ chồng mâu thuẫn là do bà T không lo làm ăn, thích mua sắm và thường lên facebook, ông D có khuyên can nhưng bà T không nghe, ông không đánh đập bà T nhưng có dùng lời lẽ thô tục để chửi bà T. Tuy nhiên, ông vẫn còn thương vợ, thương con, ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông D và bà T có 03 con chung tên Đinh Thảo Phương U, sinh ngày 09/9/1999, Đinh Thảo Mai T, sinh ngày 13/11/2003 và Đinh Thảo Thanh X, sinh ngày 26/6/2010. Trường hợp Tòa án quyết định cho vợ chồng ly hôn thì ông D đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà Đỗ Trang Uyên T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Đinh Tiến D. Ông D có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự*: Nguyên đơn bà Đỗ Trang Uyên T, bị đơn ông Đinh Tiến D đều vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Các vấn đề có tranh chấp*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông D là vợ chồng, sống chung và có đăng ký kết hôn tại phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương ngày 26/11/1998 nên quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà T là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông D thường xuyên dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm bà, mâu thuẫn ngày càng nặng nề. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn cùng ông D. Bị đơn ông Đinh Tiến D thừa nhận vơ chồng có mâu thuẫn và ông có dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm bà T, hiện nay vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn, chỉ mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc cho con. Xét, việc ông D cho rằng còn thương vợ, thương con không muốn ly hôn nhưng từ khi bà T nộp đơn đến khi Tòa thụ lý giải quyết vụ án ông D không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình, ông D thừa nhận có xúc phạm bà T, các con thống nhất việc bà T bị bạo hành về tinh thần từ rất lâu. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng ông D, bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông D là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng ông D và bà T có 03 con chung tên Đinh Thảo Phương U, sinh ngày 09/9/1999, Đinh Thảo Mai T, sinh ngày 13/11/2003 và Đinh Thảo Thanh X, sinh ngày 26/6/2010, hiện các con chung đang sống cùng ông D, bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông D cũng thống nhất để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo bản tự khai thể hiện cháu T và cháu X có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Thảo Mai T và Đinh Thảo Thanh X cho bà T chăm sóc và nuôi dưỡng. Đối với con chung là Đinh Thảo Phương U đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải

quyết do đương sự không yêu cầu.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đỗ Trang Uyên T phải nộp số tiền 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Trang Uyên T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông Đinh Tiến D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Trang Uyên T được ly hôn với ông Đinh Tiến D.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 168, quyển số 01/98 do UBND phường P, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/11/1998 cho bà Đỗ Trang Uyên T và ông Đinh Tiến D không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Đỗ Trang Uyên T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đinh Thảo Mai T, sinh ngày 13/11/2003 và Đinh Thảo Thanh X, sinh ngày 26/6/2010. Đối với con chung là Đinh Thảo Phương U đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Không ai được quyền cản trở ông Đinh Tiến D trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Trang Uyên T phải nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0022781 ngày 03/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, Tp. T
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Võ Thị Thu Thảo